BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC TUỆ TĨNH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2023-2024)

LỚP K16A-D4B (BẬC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :	6	3	5	4	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)				
TT	**Mã số**	**Họ và tên**		**Ngày sinh**	**HD**	**BH**	**DLCN**	**KTOMAR KETING DUOC**	**KNT**	**ĐTB**	**Xếp loại**	**Kết quả rèn luyện**	**Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)**
1	16011035	Đỗ Thị	Năng	27/02/2004	8.1	7.8	7.3	8.1	8.4	7.9	Khá		
2	16011038	Lê Thảo	Ngọc	30/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
3	16011040	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	04/09/2002	4.4	2.7	1.4	3.2	2.9	3.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
4	16011041	Vũ Thị	Nhi	13/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
5	16011032	Vì Thị	Oánh	25/06/2004	5.8	7.8	7.6	7.8	7.9	7.2	Khá		
6	16011034	Đại Bá	Phú	01/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
7	16011027	Hoàng Tú	Phương	26/07/2004	7.4	7.1	7.1	6.0	7.3	7.0	Khá		
8	16011025	Khoàng Đại	Quang	02/03/2004	0.0	0.0	2.1	0.0	0.0	0.5	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
9	16011020	Lê Thị Diễm	Quỳnh	24/01/2004	7.4	7.2	5.0	7.9	7.9	7.0	Khá		
10	16011035	Lê Xuân	Sơn	04/07/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
11	16011040	Nguyễn Hồng	Sơn	05/03/1999	8.1	7.2	7.3	8.0	8.5	7.9	Khá		
12	16011033	Pờ Ha	Sừ	14/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
13	16011031	Nguyễn Thị	Thanh	27/02/2004	8.1	7.5	7.1	8.0	8.7	7.9	Khá		
14	16011033	Nguyễn Văn Minh	Thanh	31/12/1997	8.3	7.5	7.1	8.0	8.9	8.0	Giỏi		
15	16011034	Đặng Thị	Thiên	10/08/2004	7.3	7.5	7.2	7.9	8.0	7.5	Khá		
16	16011029	Nguyễn Ngọc	Thương	11/01/2004	7.4	7.3	7.3	7.8	7.2	7.4	Khá		
17	16011031	Khiếu Thị	Thúy	21/03/2004	7.6	7.0	7.4	7.9	7.6	7.5	Khá		
18	16011021	Nguyễn Văn	Trà	25/06/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
19	16011027	Xa Thị Thuỳ	Trang	06/11/2004	7.4	6.8	5.0	7.5	7.3	6.8	T.bình khá		

					Số Đvht :	6	3	5	4	4				
					Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)				
TT	**Mã số**	**Họ và tên**		**Ngày sinh**	**HD**	**BH**	**DLCN**	**KT&MARKETING DƯỢC**	**KNT**	**ĐTB**	**Xếp loại**	**Kết quả rèn luyện**	**Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)**
20	16011040	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	18/04/2003	7.6	7.6	3.6	8.0	7.4	6.7	T.bình khá		1=20.0%
21	16011006	Dương Nam	Trường	27/08/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
22	16011022	Bùi Anh	Tuấn	25/11/2004	2.6	2.8	0.0	0.0	0.5	1.2	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
23	16011040	Lê Chí	Tuấn	26/10/2003	7.3	3.0	7.0	6.8	6.4	6.4	T.bình khá		1=20.0%(2:0)
24	16011032	Nguyễn Thị	Tuyết	20/06/2004	8.0	3.0	7.5	8.0	7.6	7.1	Khá		1=20.0%(2:0)
25	16011020	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	14/11/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
26	16011034	Nguyễn Khánh	Vân	30/08/2004	8.2	3.0	7.5	8.0	8.7	7.4	Khá		1=20.0%(2:0)
27	16011032	Tạ Thị Hà	Vi	05/11/2004	7.2	3.0	7.5	7.9	7.9	7.0	Khá		1=20.0%(2:0)
28	16011036	Nguyễn Đức	Việt	01/03/2004	0.0	1.8	3.4	0.0	0.0	1.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
29	16011027	Nguyễn Huy	Vũ	16/06/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
30	16011038	Nguyễn Mạnh Hoàng	Tùng	18/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.3%), Khá: 12 (40.0%), T.bình khá: 3 (10.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 14 (46.7%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) HD: HÓA DƯỢC (2) BH: BỆNH HỌC (3) DLCN: DƯỢC LÝ CHUYÊN NGÀNH (4) KT&MARKETING DƯỢC : KT VÀ MARKTING
(5) KNT: KN THUỐC